

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **239/2019/HC-PT**

Ngày: 27 - 11 - 2019

*“V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Kim Nhân

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 191/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1583/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng N; sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 29B, khu vực 6, phường Đ, Thành phố Q, Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: ông Võ Duy H1, sinh năm 1966, địa chỉ: 223F đường T, phường T1, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2018). (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hoàng N - Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản ủy quyền số 16/GUQ-UBND ngày 27/8/2018). (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường G, Thành phố Q, Bình Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Chí Th - Chủ tịch UBND phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền quyền: Ông Vũ Huy H - Phó Chủ tịch UBND phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản ủy quyền số 02/UBND-UQ ngày 23/11/2018). (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn S - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phan Tiến D - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định. (theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-TTPTQĐ ngày 21/11/2018). (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Nguyễn Thị L (vắng mặt).

4. Phạm Tr.

5. Phạm Minh Q1.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tr, anh Q1: ông Võ Duy H1, sinh năm 1966, địa chỉ: 223F đường T, phường T1, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản ủy quyền 15/10/2018 và 19/10/2018. (có mặt).

6. Phạm Hoa T2; Địa chỉ: Tổ 29B, khu vực 6, phường Đ, Thành phố Q, Bình Định.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Phạm Hoa T2: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 29B, khu vực 6, phường Đ, Thành phố Q, Bình Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng N và người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Võ Duy H1 thống nhất trình bày:

Năm 1993, bà N có mua lại của bà Hà Thị Mỹ H2 (bà H2 mua của vợ chồng ông Lê B1 và bà Trần Thị C) có nguồn gốc đất rõ ràng với diện tích 220m² được đo đạc ghi vào bản đồ năm 1998 và năm 2012 là thửa số 167, tờ bản đồ số 10 ở phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngày 30/12/2016, UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 11246/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư HT, thành phố Q (đợt 34) với diện tích là 157,4m².

Sau khi tiến hành đo đạc lại thì diện tích thửa đất là 169,4m² đã tăng thêm 12m², do đó, ngày 30/11/2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9293/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Quyết định thu hồi số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định: điều chỉnh từ thu hồi 157,4m² thuộc toàn phần thửa đất số 167, tờ bản đồ số 10 tại phường G thành 169,4m² thuộc toàn phần thửa đất số 167, tờ bản đồ số 10 tại phường G, thành phố Q. Việc ban hành quyết định trên là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N, do đó bà N có khiếu nại đến UBND thành phố Q và ngày 14/11/2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8289/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà N với nội dung không công nhận việc khiếu nại của bà N. Vào ngày 29/3/2018 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1793/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu dân cư HT, phường G, thành phố Q.

Việc làm trên của UBND thành phố Q là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N, nên bà N khởi kiện đến Tòa án và yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư HT, thành phố Q (đợt 34); Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định thu hồi số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu dân cư HT, phường G, thành phố Q.

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q, tỉnh Bình Định:
Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:*

Căn cứ để UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư HT, thành phố Q (đợt 34); Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định thu hồi số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và

Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu dân cư HT, phường G, thành phố Q:

Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng công trình Khu dân cư HT, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định (đợt 34) được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB thông qua ngày 17/11/2016.

Ngày 29/12/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có Tờ trình số 693/TTr-TTPTQĐ về việc thu hồi đất dự án Khu dân cư HT, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định (đợt 34): Theo đó, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đề nghị thu hồi đất đối với 06 hộ dân với tổng diện tích thu hồi 810,5m² tại 06 thửa đất của tờ bản đồ số 10, 15 và 20 thuộc khu vực 3, khu vực 5, phường G, thành phố Q, trong đó có hộ của bà Nguyễn Thị Hồng N, với diện tích đề nghị thu hồi là 157,4m² thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ năm 2012).

Ngày 30/12/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Tờ trình số 599/TTr-TNMT về việc thu hồi đất của các hộ gia đình để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư HT, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Hồng N.

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, ngày 30/12/2016 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư HT, thành phố Q: Thu hồi 157,4m² thuộc toàn phần thửa đất số 167, tờ bản đồ số 10 tại phường G.

Sau khi tiến hành đo đạc lại thì diện tích thửa đất là 169,4m² đã tăng thêm 12m² (do sai số kỹ thuật), do đó ngày 30/11/2017 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9293/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Quyết định thu hồi số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định: điều chỉnh từ thu hồi 157,4m² thuộc toàn phần thửa đất số 167, tờ bản đồ số 10 tại phường G thành 169,4m² thuộc toàn phần thửa đất số 167, tờ bản đồ số 10 tại phường G, thành phố Q.

Nguồn gốc đất sử dụng (theo xác nhận của UBND phường G): Theo bản đồ năm 1987 thể hiện loại đất màu, năm 2001 loại đất ghi ký hiệu T do ông bà khai hoang trồng hoa màu trước năm 1975 để lại cho ông Lê B1 sử dụng trước ngày 15/10/1993 (để lại không có giấy tờ). Ông Lê B1 bán cho bà Hà Thị Mỹ

H2 (chủ hộ không cung cấp giấy tờ), nhưng bà H2 sử dụng trước ngày 01/7/2004 (vì tên trong HSKT thửa đất đo đạc năm 2001), sau đó bà H2 bán lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N hai bên tự ghi ngày 17/6/1993 (giấy viết tay không có cấp thẩm quyền xác nhận). Bà N sử dụng đến nay không ai tranh chấp.

Theo phương án được UBND thành phố phê duyệt tại quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và căn cứ cuộc họp Hội đồng bồi thường thành phố thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án khu dân cư HT, phường G, thành phố Q (đợt 34) thì số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng N là 147.092.010 đồng. Tuy nhiên, bà N không đồng ý và đã khiếu nại đến UBND thành phố Q, UBND thành phố Q đã giải quyết khiếu nại với nội dung không công nhận đơn khiếu nại của bà N. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã ra thông báo số 410/TB-TTPTQĐ về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, giao trả mặt bằng đối với hộ bà N đồng thời tổ chức phối hợp với UBND phường G và UBMT TQVN phường G thuyết phục hộ bà N nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, giao trả mặt bằng nhưng bà N không đồng ý.

Ngày 11/12/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã có văn bản số 151/BC-TTPTQĐ về việc cưỡng chế thu hồi đất. Cho nên căn cứ vào khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu dân cư HT, phường G, thành phố Q.

Việc ban hành các quyết định của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định là đúng theo quy định của pháp luật, do đó, việc bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu hủy các quyết định trên là không có cơ sở, UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường G, thành phố Q, Bình Định: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Huy H - Phó Chủ tịch UBND phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Thống nhất như phần trình bày của UBND thành phố Q, ngoài ra UBND phường G không có trình bày hay yêu cầu nào khác.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q: Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phan Tiến D - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Thông nhất như phần trình bày của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, đối với chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q trình bày: Tại thời điểm tổ công tác kiểm kê năm 2012 đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng N, trên đất không có xây dựng nhà, có móng đá chẻ, trụ BTCT và cây trồng.

Căn cứ Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB thành phố đã áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng N và đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 9292/QĐ-UBND ngày 30/11/2017, cụ thể như sau: Bồi thường đất nông nghiệp với đơn giá 58.000đồng/m²; hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với đơn giá 725.000đồng/m²; hỗ trợ 100% vật kiến trúc; bồi thường 100% cây trồng; về tái định cư: Hộ bà Nguyễn Thị Hồng N bị thu hồi đất nông nghiệp, trên đất không có xây dựng nhà nên hộ không đủ điều kiện xét giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N là không có cơ sở.

3. Bà Nguyễn Thị L; ông Phạm Tr; anh Phạm Minh Q1; cháu Phạm Hoa T2: Thông nhất như phần trình bày và yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử:

Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình khu dân cư HT, phường G, thành phố Q.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Quyết định số

9293/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và các chi phí tố tụng khác.

Ngày 08/7/2019, người đại diện theo ủy quyền người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng N là ông Võ Duy H1 kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, huỷ Quyết định thu hồi đất số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 9293/QĐ-UBND của UBND thành phố Q và Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Hồng N.

Ngày 24/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/2019/QĐ-VC2-HC đề nghị huỷ Bản án hành chính sơ thẩm để Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Ông Võ Duy H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Ý kiến của ông Võ Duy H1:

Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm là không đúng qui định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng:

Yêu cầu UBND thành phố Q xem xét bồi thường hỗ trợ đất ở cho bà N theo Điều 79 của Luật đất đai đối với diện tích 169,4m², vị trí nằm mặt tiền đường Chế Lan Viên và tính toán lại giá trị bồi thường nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Huỷ Quyết định thu hồi đất số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 9293/QĐ-UBND của UBND thành phố Q và Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Hồng N để thực hiện việc bồi thường thỏa đáng theo quy định.

Khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của bà N trên thửa đất số 167, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ năm 2012), tại phường G, thành phố Q nói trên nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất và tài sản trên đất quy định tại Luật Đất đai và Bộ luật Dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/2019/QĐ-VC2-HC ngày 24/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chưa thu thập được đầy đủ chứng cứ, tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành giải quyết vụ án, bác yêu cầu khởi kiện của bà N là có thiếu sót, chưa khách quan toàn diện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án hành chính sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Duy H1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về nguồn gốc lô đất, là của ông bà của ông Lê B1 sử dụng trước năm 1975 để lại cho ông B1 sử dụng trước ngày 15/10/1993; sau đó, ông Lê B1 bán lại cho bà Hà Thị Mỹ H2, bà H2 sử dụng trước ngày 01/7/2004, theo hồ sơ đo vẽ năm 2001 thuộc thửa đất 167, tờ bản đồ số 10, loại đất ghi ký hiệu T tại phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định, diện tích 169,4m². Tiếp đến bà H2 bán lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N, hai bên tự lập bằng Giấy viết tay ghi ngày 17/6/1993 không có cơ quan thẩm quyền xác nhận. Bà N đã xây dựng móng đá chẻ và trụ bê tông, chưa xây nhà và trồng cây ăn trái, sử dụng liên tục không có ai tranh chấp.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi đất: Đến ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân thành phố Q, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 11246/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Hồng N để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư HT, thành phố Q (đợt 34) với diện tích là 157,4m². Tại Biên bản kiểm kê ngày 02/10/2012 của Tổ công tác kiểm kê đối với hộ bà Nguyễn Thị Hồng N thì hiện trạng thửa đất chỉ có phần móng đá chẻ và trụ bê

tông, và có trồng một số loại cây màu như chuối, ổi, ... trên đất không có xây dựng nhà. Do đó, UBND thành phố Q đã căn cứ Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng bồi thường cho bà N theo giá đất nông nghiệp với đơn giá 58.000đồng/m²; hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với đơn giá 725.000đồng/m²; bồi thường 100% vật kiến trúc và cây trồng; về tái định cư do hộ bà Nguyễn Thị Hồng N bị thu hồi đất nông nghiệp, trên đất không có xây dựng nhà nên không đủ điều kiện xét giao đất tái định cư.

[4] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố Q cung cấp thêm chứng cứ mới, gồm: Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 và Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định. Ông Võ Duy H1 cung cấp thêm Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu dân cư HT, phường G; 01 Giấy xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung bà N chưa có nhà ở, đang ở nhà thuê.

[5] Xét thấy, đối với Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định về Danh mục công trình, dự án sử dụng 10 ha đất trồng lúa, dưới 20ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và Danh mục công trình, dự án nhà nước thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh, kèm theo Danh mục chi tiết công trình, dự án được thu hồi thể hiện không có thu hồi loại đất T. Theo quy định Điều 61, khoản 3 Điều 62; Điều 73 của Luật Đất đai năm 2013 thì Dự án khu dân cư HT của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh thể hiện là của cá nhân và nhằm mục đích kinh doanh không có vốn góp của Nhà nước nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Q lại ra Quyết định số 11246/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Hồng N trong khi chưa có ý kiến hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định là không đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[6] Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ như: Chưa thu thập việc đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ; Sổ mục kê theo Luật Đất đai để làm rõ có sự khác nhau về loại đất. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường G, tại bản đồ năm 1987

thể hiện loại đất màu, năm 2001 loại đất ghi ký hiệu T. Tuy nhiên, tại Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 9292/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 lại bồi thường 1649,4m² đất của bà N là đất nông nghiệp với đơn giá 58.000đồng/m², hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với đơn giá 725.000đồng/m²; không bố trí đất tái định cư tại chỗ cho bà N trong khi chưa xác minh làm rõ bà N có chỗ ở nào khác tại phường G không; trong khi đó, bà N đang thường trú tại phường Đ nhưng Ủy ban nhân dân phường Đ lại xác nhận với nội dung bà N chưa có nhà ở, đang ở nhà thuê. Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận vẫn tiến hành giải quyết vụ án, bác yêu cầu khởi kiện của bà N là có thiếu sót, chưa khách quan toàn diện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được; đồng thời Ủy ban nhân dân thành phố Q có những sai phạm như nêu trên. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Duy H1 đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hồng N và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng huỷ Bản án hành chính sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Võ Duy H1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Về án phí hành chính sơ thẩm được quyết định lại khi xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Duy H1 đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hồng N và Quyết định kháng nghị số 28/2019/QĐ-VC2-HC ngày 24/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Về án phí:

Ông Võ Duy H1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003672 ngày 12/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông